



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THANH TAM
Last Middle First

Current Address: 216^c/19 Huynh-van-Banh-PhuNhan-Hoichinh
city.

Date of Birth: 07-05-1936 Place of Birth: LoiHong

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant & CTO
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-16-1975 To 06-12-1982
Years: 07 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI THUY THANH	1939	wife
NGUYEN THUY HUONG	1963	daughter
NGUYEN THI XUAN PHUONG	1964	daughter
NGUYEN THI TU LAN	1966	daughter
NGUYEN THI THANH THUY	1969	daughter
NGUYEN THI TUYET HANG	1972	daughter
NGUYEN THI PHUONG TRANG	1974	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM
MÀU DƠN VỀ LÝ LỊCH
CHO HỒI GIỮ

NAME (TÊN) : NGUYEN THANH TAM
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 07 5 1936
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐
MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : ☐
(Tình trạng gia đình) ^{3rd FLOOR}
ADDRESS IN VIETNAM : 207 B# NGUYEN VAN TROI, HO CHI MINH CITY
(Địa chỉ tại VN)
POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không)
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : JUN 24, 1975 To (Đến) : JUN 17, 82
PLACE OF RE-EDUCATION : HA TAY
CAMP (TRẠI TÙ)
PROFESSION (Nghề Nghiệp) :
EDUCATION IN U.S. : none
(DU HỌC TẠI MỸ)
VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : 2nd LIEUTENANT
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)
APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không)
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 7
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2
MAILING ADDRESS IN VN : 207 B# 3rd FLOOR NGUYEN VAN TROI
(Địa chỉ liên lạc tại VN) HO CHI MINH
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : PHUC DAI DUONG
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : 1993 ALAWAI BLVD # 204 HONOLULU, HI 96814
hay Người Bảo Trờ)
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : MY UNCLE
NAME AND SIGNATURE : PHUC DAI DUONG
ADDRESS OF INFORMANT : Phuc Dai Duong
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, BT của người điền đơn này)
DATE : MARCH 18, 1985



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

Telex:

ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN THANH TAM
Last Middle First

Current Address 207 B # 3rd FLOOR NGUYEN VAN TRI, HO CHI MINH CITY

Date of Birth JULY 5, 1935 Place of Birth KHANH HUNG, BA XUYEN

Names of Accompanying Relatives/Dependents

<u>NGUYEN, THUY THANH THI</u> (WIFE)	<u>NGUYEN, HUONG THUY</u> (DAUGHTER)
<u>NGUYEN, XUAN PHUONG THI</u> (DAUGHTER)	<u>NGUYEN, PHUONG TRANG THI</u> (DAUGHTER)
<u>NGUYEN, TU LAN THI</u> (DAUGHTER)	<u>NGUYEN, TUYET HANG THI</u> (DAUGHTER)
	<u>NGUYEN, THANH THUY THI</u> (DAUGHTER)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From JUN 24, 1975 To JUN 17, 1982

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>none</u>			

Form Completed By:

PHUC DAI DUONG
Name

1493 ALAWAI BLVD # 204, HONOLULU, HI 96815
Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA):

7
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
NGUYEN, THUY THANH THI (WIFE)	OCT 13, 1939	AUNT
NGUYEN, HUONG THUY (DAUGHTER)	MAY 1, 1963	COUSIN
NGUYEN, XUAN PHUONG THI (DAUGHTER)	APRIL 2, 1964	COUSIN
NGUYEN, TI LAN THI (DAUGHTER)	JULY 30, 1966	COUSIN
NGUYEN, THANH THUY THI (DAUGHTER)	APRIL 15, 1966	COUSIN
NGUYEN, TUYET HANG THI (DAUGHTER)	FEB. 4, 1972	COUSIN
NGUYEN, PHUONG TRANG (DAUGHTER)	MAR. 21, 1974	COUSIN

ADDITIONAL INFORMATION:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN XUÂN LAN
TRINH NGỌC DUNG
NGUYỄN QUỲNH GIAO
TRẦN THỊ PHƯƠNG
HUỲNH KIM CHI
DƯƠNG MỸ-LINH SOLANO
MRS. LÊ VĂN HÙNG

MAR 23 1985

Số
Thư CA/bao
4/24/85

chs

MAU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
888888888

Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam hoạt động bất vụ lợi, thuần túy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích yểm trợ cho việc trả tự do cho tù nhân chính trị Việt Nam và đoàn tụ gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây:

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
TRẦN KIM DUNG,
Vice-President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice-President
TRINH NGỌC DUNG,
Secretary General
NGUYỄN XUÂN LAN,
Deputy Secretary
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Treasurer
HUỲNH KIM CHI
Deputy Treasurer

Họ và Tên: Mr PHUC DAI DUONG

Địa chỉ :

HONOLULU, HI

Điện thoại: (số)

(nhà)

Tên thân nhân trong danh sách tù nhân chính trị của Hội:

Mr. TRU VAN DUONG, Mr. TAM THANH NGUYEN

Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:

(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em v.v.)

FATHER AND UNCLE

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ:

Niên lệ: 12.00

(\$12.00)

Đóng góp ủng hộ:

(tùy ý)

Thủ tục, ngân phiếu xin gói vé:

Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

check # 534
3/18/85
\$12.00

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

Date: _____
Ngày: _____

A. Identification Data
Thông tin căn bản

1. Name: NGUYỄN THÀNH-TÂM
Họ, Tên
2. Other Names: _____
Họ, Tên Khác
3. Date/Place of Birth: 05-07-1936 Sóc Trăng, South Vietnam
Ngày/Nơi Sinh
4. Residence Address: 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh City
Địa-chỉ Thường-trú
5. Mailing Address: 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh City
Địa-chỉ Tho-từ
6. Current Occupation: Tutor
Nghề-Nghiep

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cũng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc Độc-thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm-Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Giới	MS Tình Trạng Gia-Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. Nguyễn Thị Thủy Thanh	1939	Tây Ninh			Wife
2. Nguyễn Thị Kiều	1963	Saigon	S		Daughter
3. Nguyễn Thị Xuân Phụng	1964	Saigon	S		Daughter
4. Nguyễn Thị Tú Lan	1966	Saigon	S		Daughter
5. Nguyễn Thị Thanh Thủy	1969	Tây Ninh	S		Daughter
6. Nguyễn Thị Tuyết Hằng	1972	Saigon	S		Daughter
7. Nguyễn Thị Phụng Trang	1974	Saigon	S		Daughter

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thê (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Họ Thân Ở Ngoài Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình

Closest Relative in Other Foreign Countries/
Ba Con Thân-Thuộc Nhất ở Các Nước Khác

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình

c. Address
Địa-Chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

	Name Họ, Tên	Address Địa-Chỉ
1. Father Cha	Nguyễn Thành Thiết	Killed by Việt Cộng in 1961 - 1962 when he was deputy chief of Phước-Thái province
2. Mother Mẹ	Trần Thị Định (L)	75 Huỳnh Khương Ninh, HCM City
3. Spouse Vợ/Chồng	Nguyễn Thị Thúy Thanh (L)	216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, HCM City
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng Trước (nếu có):		
5. Children Con Cái	(1) Nguyễn Thủy Hồng (L) married to Huỳnh Khương Ninh, HCM City (L)	
	(2)	
	(3) Nguyễn Thủy Hương (L) 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, HCM City (L)	
	(4) Nguyễn Thị Xuân Phương (L)	id -
	(5) Nguyễn Thị Tú Lan (L)	id -
	(6) Nguyễn Thị Thanh Thủy (L)	id -
	(7) Nguyễn Thị Tuyết Hằng (L)	id -
	(8) Nguyễn Thị Phương Trang (L)	id -
	(9)	
	(10)	

6. Siblings
Anh Chị Em:

(1) Nguyễn Thị Bình Anh (L)	73/36 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, HCM City
(2)	
(3) Nguyễn Thành Trí (L)	Reeducation Camp Xích Lô, Đồng Nai
(4) Nguyễn Thành Trung (L)	75 Huỳnh Khương Ninh, HCM City
(5) Nguyễn Thành Tuấn (L)	Bệnh Viện Trung Ương, Cầu Thà
(6)	
(7)	
(8)	
(9)	
(10)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:
Họ Tên Nhân-Viên:

2. Dates:
Ngày, Tháng, Năm

From:

To:

Từ:

Tới:

1

2

3

4

3. Title of (Last) Positions Held
Chức-vụ Công-Việc :

1

2

3

4

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng : 1

2

3

4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thị :

1

2

3

4

6. Reason for Leaving

Lý-Do-Ra-Đi : 1

2

3

4

7. Training for Job in Vietnam

Nghiệp-Nghị Huấn Luyện tại Việt-Nam:

F Service with GVN or RVNAP By You Or Your Spouse

Ban-Hoặc-Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ-Tên Người Tham-Gia :

NGUYỄN-THÀNH-TÂM

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

Tháng

1962

To:

Tới:

30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng

Chief of Service / Planning Section

First Lieutenant / Specialist in Planning

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đơn-Vị/Binh-Chúng

PHU.T.B : Centre Intelligence Organisation (C.I.O.)

Presidency - Planning Section

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ-Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

Phan-Đông-TÂM (Chief of Planning Section of C.I.O.)

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

Resentment against the regime

Wish for a new life of Honor, Humanity and Freedom

7. Names of American Advisor(s):

Họ-Tên Cố-Vấn Mỹ

- Mr. George

- Mr. Bern

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỳ

Tại Việt-Nam

5th Case officer Training Course

9. U.S. Awards or Certificates:

Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp:

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vó/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ-Tên-Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện:
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường :
3. Dates: From To
Ngày, Tháng, Năm Từ : :
Tới:
4. Description of Courses :
Mô-Tả-Ngành Học :
5. Who paid for training? :
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vó/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : NGUYỄN-THÀNH-TÂM
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 7 years months days
Tong-Cong Thoi Gian Hoc Tap Cai-Tao: 7 1 1
thang 1 Ngay
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

- I. Any Additional Remarks? - Serial Number: 56A/105.083
Cúcc-Chú Phụ Thuộc - Identification card number: 05720182- (Tân Bình
27-8-1970)

If my numerous family could be any difficulty for the settlement of your program, I beg you to try to do anything in order to aid only me first. For I wish eagerly to serve positively The Freedom World Cause as soon as possible. As for the remained people of my family, I'll take charge of them myself in the future.

Signature: [Signature] Date: 22-11-1987
Ký-Tên: [Signature] Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất-Cả Giấy-tờ Kèm Theo với số Câu Hỏi Này

- 1 Birth Certificate
- 1 Marriage certificate
- 1 Identification card
- 1 Photo
- 1 Release Certificate
- 1 Mission Order from the CTC / Presidency

chị lập hồ sơ

cho em anh 3

Trí dùm.

anh thất vọng quá nên
lại nhờ tui mình. Em cố
gì? hồ về VN bao² anh lo
hồ sơ cho anh 3 Trí.

PENNTU SS

JUNE 5,

AVOID STANDING IN LONG

**THE ENCLOSED PERSONAL PROPERTY TAXES
OR BEFORE JUNE 15 IN ORDER TO RE
DATE OF SEPTEMBER 15.**

**PERSONAL PROPERTY TAXES MUST BE
AVOID LATE PAYMENT PENALTY AND**

**DECALS MUST BE RENEWED BY SEPTEMBER 15
VEHICLE BY OCTOBER 15.**

**PERSONAL PROPERTY TAXES MUST BE
RENEWED OR PURCHASED FOR A VEHICLE**

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

PHỦ TỔNG-THƯỜNG

NHA HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIỆC
Hộp thư 904 - Saigon

11/07 THIÊM - VỤ - LÍNH

THAM-CHIỆT : Thông-cáo ngày 10-2-68 của

Số : 939 -HCMV/V/NVL

Hộ Quốc-Phòng.

2

1/07 ay cđ

Ngạch trật

: Đ. NGUYỄN THÀNH TÂM

: Phụ-Tá chuyên-viên địa-lý
hạng B (csl 350)

Cấp bậc trong quân đội

: Cựu Thiếu-Ủy

Số quân

: 105.083

Ngày và nơi sinh

: 5-7-1936 Sóc-Trăng

Chức-vụ

: Nhân-viên

Mi từ

: Saigon

Liên

: Bộ Quốc Gia Giáo Dục

Lý-do

: Trình-diện tái ngũ

Phong-tiền (chuyên-chợ)

: Tự-túc

Thời-gian công-tác

: Không

Ngày khởi-hành

: 12-3-68

Xêu-cầu cơ-quan chánh quyền giúp đỡ và dành
cho trong-sự mọi sự dễ-dàng.

Trong trường-hợp bất thường xin liên-lạc
thẳng với Phủ tôi.

Saigon, ngày 28 tháng 2 năm 1968

Nơi nhận :

GIÁM-ĐỐC NHA HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIỆC

- Nha Động-Viên 120C. 3567

- Bộ Quốc Gia Giáo Dục

- Trong-sự

- H. 30 - Lưu

Cher

THAM-CHIỆT

20-11-1936

PHÒNG LỤC-SỰ TOA

ở-hà *comuyen*

(COUR DE TRIBUNAL DE

PHÒNG LỤC-SỰ QUANG-SINH *làng An-hà - ứng*

tỉnh *comuyen*

NĂM 1936

SỐ HIỆU

(Acte No)

(Acte No)

Tên, họ của	Nguyễn thành Tâm
Nơi, nữ	Masculin
Sinh ngày	10 5 Juillet 1936
Nơi sinh	Khánh-hùng Hôpital
Tên, họ của	Nguyễn thành 15t
Của làm nghề gì	Sécétaire
Nơi ở	Khánh-hùng
Tên, họ của	Trần thị Đình
Của làm nghề gì	Institutrice
Nơi ở	Khánh-hùng (Soctrang)
Nơi ở	Femme de l'ay ruz

Chữ gởi

Trực y bản chánh

Chánh-án Tòa

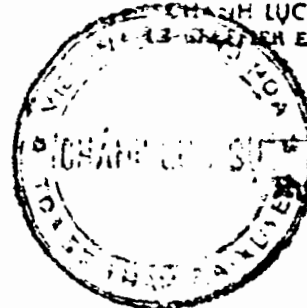
Khánh-hùng

Chánh-ánh chấp-pháp chữ ký

CHÍNH LỤC-SỰ, 12-12-1936

Tên

Tên của Tòa án



Nguyễn văn Hào

Gửi tiền

(Lett)

Điện-lại số

(Quittance No)

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

LTB

Số hiệu: 303

Tên, họ người chồng: Nguyễn thanh Tâm

nghề - nghiệp: Sinh viên sĩ Quan

sinh ngày 5 tháng 7 năm 1936

tại: Thanh Hưng, Đa Xuyên

cư - sở tại: Phú Nhuận, 305E/I Ấp Tây Nhì

tạm-trú tại: =====

Tên, họ cha chồng: Nguyễn thanh Tiet(chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng: Trần thị Đình(sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ: NGUYEN THI THUY THANH

nghề - nghiệp: Sinh viên

sinh ngày 13 tháng 10 năm 1939

tại: Hoi Thuan, Tây Ninh

cư - sở tại: Phú Nhuận, 305E/I Ấp Tây Nhì

tạm-trú tại: =====

Tên, họ cha vợ: Nguyễn van Nguen(sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ: Tô danh

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới: ngày hai mươi bốn tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba, hai II giờ (24-8-1963)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế: ===

ngày: === tháng: === năm: ===

Chứng thực chủ ký ngang: =====

đay của Viên Chức Hộ tịch

Phú Nhuận, ngày 28-8-63

Trích y bốn chính

Phú Nhuận, ngày 28 tháng 8 năm 1963

Viên chức Hộ tịch.

Bãi-Dien-Xh,

Chứng thực chủ ký ngang

đay của Viên Chức Hộ tịch

Phú Nhuận, ngày 28-8-63

Trích y bốn chính

Phú Nhuận, ngày 28 tháng 8 năm 1963

Viên chức Hộ tịch.

Trần văn Thìn

CHỨNG THỰC
TÂN BÌNH
PHÚ NHUẬN
TỈNH GIADINH
HẢI-THÀNH-PHỐ
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Trần văn Thìn

883-12.6.12

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chức vụ: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG AN
Số 11 tháng 11
1972

Trục

Hệ Tax

Số 134/12

100022615002

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 900-BCA/TT ngày 3-5-1981 của Bộ Công an

Thi hành án văn, quyết định thụ số 156 ngày 13 tháng 1 năm 1982

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Nguyễn Thành Tâm

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bị danh

Trần Văn Uế - 199

Sinh ngày tháng năm

1936

Nơi sinh

Khánh Hưng, Châu Thành, Sóc Trăng

8803

Nội dung ký nhận khâu thường trú trước khi bị bắt

215 Q / 19 Quận, Nguyễn Huỳnh Đức, Quận Phú Nhuận, TP HCM

Cán tội: Trung úy trưởng ban an ninh 199 của bộ TB trung cấp bậc 15

Bị bắt ngày 16/6/1975

án phạt TTQT

Theo quyết định, án văn số 55 ngày 8 tháng 1 năm 1976 của Bộ nội vụ

Đang

Đang

Đang

Đã bị tăng án

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

Đã được giảm án

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

lần, công thành

Nay về cư trú tại 2160/19 Nguyễn Huỳnh Đức, Quận Phú Nhuận, TP HCM

Nhận xét trả trảnh cải tạo

Tư tưởng: Biểu hiện yên tâm cải tạo, tin tưởng vào chế độ chính sách của Đảng và nhà nước. Lạc động hoàn thành công việc được giao. Không đồng xuýt chầu lượng cải chữa oan.

Độc lập: Thăm gia đình, tinh thần ý thức tiếp thu bài học, như mệnh lệnh cấu tranh phê bình.

Nội quy: Thực hiện được chưa có sai phạm gì lớn. XLQT: TB

Lưu tay ngón trái phải

Của Nguyễn Thành Tâm

Danh bản số 1397

Lưu tại NV15

Họ, tên, chức vụ người được cấp giấy

Ngày 12 tháng 6 năm 1982

Giám thị

Nguyễn Thành Tâm

Trung tá: Nguyễn Văn M6

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
TỈNH GIADINH

QUẬN: Tân Bình
XA: Phú Nhuận

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

LTB

Số hiệu: 303

Tên, họ người chồng: Nguyễn thanh Tâm

nghề - nghiệp: Sinh viên si Quan

sinh ngày 5 tháng 7 năm 1936

tại: Thanh Hưng, Đa Xuyên

cư - sở tại: Phú Nhuận, 305E/I Ap Tay Nhi

tạm-trú tại: =====

Tên, họ cha chồng: Nguyễn thanh Tiet(chet)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng: Trần thị Bình(sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ: NGUYỄN THỊ THUỖ THANH

nghề - nghiệp: Sinh viên

sinh ngày 13 tháng 10 năm 1939

tại: Mũi Thuận, Tay Ninh

cư - sở tại: Phú Nhuận, 305E/I Ap Tay Nhi

tạm-trú tại: =====

Tên, họ cha vợ: Nguyễn van Nguen(sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ: Tô danh

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới: ngày hai mươi bốn tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba, hai II giờ (24-8-1963)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế: ===

ngày: === tháng: === năm: ===

Chung thực chịu ký ngang
đáy của Viên Chức Hộ tịch

Phú Nhuận, ngày 28-8-63

Đại-Diện-Xã,

Trích y bốn chính

Phú Nhuận, ngày 28 tháng 8 năm 1963

Viên - chức Hộ tịch.

CHÍNH THẬT

Trần Văn Thìn

Trần Văn Thìn

VIỆT-NAM DỘNG-HÒA

PHỦ TỔNG-NGƯNG

NHA HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIÊN
Hộp thư 904 - Saigon

117 THIÊM - VỤ - LÍNH

Số : 939 -HCNV/N/NVL

THAM-CHIỆT : Thông-cáo-người 10-2-68 của

Hộ Quốc-Phòng.

117 ay cũ
Ngạch trượt

: Đ. NGUYỄN THÀNH TÂM

: Phụ-Tá chuyên-viên địa-lý
hạng B (csl 350)

Cấp bậc trong quân đội
Số quân

: Cựu Thiếu-Ủy

: 105.083

Ngày và nơi sinh

: 5-7-1936 Sóc-Trăng

Chức-vụ

: Nhân-viên

Đi từ

: Saigon

Lên

: Bộ Quốc Gia Giáo Dục

Lý-do

: Trình-diện tái ngũ

Phong-tiền chuyên-chở

: Tự-túc

Thời-gian công-tác

: Không

Ngày khởi-hành

: 12-3-68

Xen-cầu cơ-quan chánh trên giúp đỡ và dành
cho đương-sự mọi sự dễ-dàng.

Trong trường-hợp bất thường xin liên-lạc
thẳng với Phủ tôi.

Nơi nhận :

Saigon, ngày 28 tháng 2 năm 1968

GIÁM-ĐỐC NHÀ HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIÊN

- Nha Động-Viên HSC. 3567

- Bộ Quốc Gia Giáo Dục

- Đương-sự

- Hộ-sơ - Lưu

Cher

THAM-CHIỆT

THÔNG LỤC-SỰ TOÀ *Động viên*

COMME DU TRIBUNAL DE

THÔNG LỤC-SỰ TOÀ *Động viên*

Động viên

NĂM 1936

(Acte N°)

SỐ 1186

(Acte N°)

Tên họ (Nom et Prénom)	Nguyễn thành Tâm
Nơi ở (Lieu d'habitation)	Masculin
Ngày sinh (Date de naissance)	10 5 Juillet 1936
Nơi sinh (Lieu de naissance)	Khánh-hùng Hôpital
Tên họ của (Nom et Prénom du père)	Nguyễn thành Tất
Công việc (Profession)	Secrétaire
Nơi ở (Lieu d'habitation)	Khánh-hùng
Tên họ mẹ (Nom et Prénom de la mère)	Trần thị Đình
Nơi ở (Lieu d'habitation)	Institutrice
Nơi ở (Lieu d'habitation)	Khánh-hùng (Soc Trang)
Nơi ở (Lieu d'habitation)	Femme de l'ay ruy

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

Tên họ (Nom et Prénom)

Tên họ (Nom et Prénom)

Khánh-hùng

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

CHỖ GỖ

Date:

Ngày:

A. Identification Data

Bản khai căn bản

1. Name: NGUYỄN THÀNH-TÂM
Họ, Tên
2. Other Names: _____
Họ, Tên Khác
3. Date/Place of Birth: 05-07-1936 Sóc Trăng South Viet Nam
Ngày/Nơi Sinh
4. Residence Address: 216/19 Huỳnh Văn Bánh - Phú Nhuận
Địa-chỉ Thường-trú Hồ Chí Minh City
5. Mailing Address: 216/19 Huỳnh Văn Bánh - Phú Nhuận - Hồ Chí Minh City
Địa-chỉ Thư-tử
6. Current Occupation: Tutor
Nghề-Nghiệp

B. Relatives To Accompany Me

Bà Con Cũng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc-thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia-Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. Nguyễn Thị Thủy Thanh	1939	Tây Ninh			Wife
2. Nguyễn Thị Hồng	1963	Saigon		S	Daughter
3. Nguyễn Thị Xuân-Phước	1964	Saigon		S	Daughter
4. Nguyễn Thị Tú Lan	1966	Saigon		S	Daughter
5. Nguyễn Thị Thanh-Thủy	1969	Tây Ninh		S	Daughter
6. Nguyễn Thị Tuyết-Hằng	1972	Saigon		S	Daughter
7. Nguyễn Thị Phương-Trang	1974	Saigon		S	Daughter
8.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam

Họ, Tên Ở Ngoài Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ Gia-Đình

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-Hệ Gia-Đình

c. Address

Địa-Chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

- | | Name
Họ, Tên | Address
Địa-Chỉ |
|---|---------------------------------|--|
| 1. Father
Cha | Nguyễn Thành Bỉnh | Killed by Việt Cộngs in 1961-1962 when he was Deputy Chief of Phước-Thạnh Province |
| 2. Mother
Mẹ | Trần Thị Đình (L) | 75 Huỳnh Khương Ninh, HCM City |
| 3. Spouse
Vợ/Chồng | Nguyễn Thị Thúy Thanh (L) | 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận HCM City |
| 4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng Trước (nếu có): | | |
| 5. Children
Con Cái | (1) Nguyễn Thúy Hồng (L) | 75 Huỳnh Khương Ninh HCM City (L) |
| | (2) | |
| | (3) Nguyễn Thị Hương (L) | 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận HCM City (L) |
| | (4) Nguyễn Thị Xuân Phương (L) | id - |
| | (5) Nguyễn Thị Tú Lan (L) | id - |
| | (6) Nguyễn Thị Thanh Thủy (L) | id - |
| | (7) Nguyễn Thị Tuyết Hằng (L) | id - |
| | (8) Nguyễn Thị Phương Trang (L) | id - |
| | (9) | |
| | (10) | |

6. Siblings

Anh Chị Em:

- | | | |
|------|-------------------------|--|
| (1) | Nguyễn Thị Bích Anh (L) | 73/36 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận HCM City |
| (2) | | |
| (3) | Nguyễn Thành Trí (L) | Reeducation Camp Xúy Lộc, Đông Nai |
| (4) | Nguyễn Thành Trung (L) | 75 Huỳnh Khương Ninh, HCM City |
| (5) | Nguyễn Thành Tuấn (L) | Bệnh viện Trung Ương, Cầu Thơ |
| (6) | | |
| (7) | | |
| (8) | | |
| (9) | | |
| (10) | | |

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:

Họ Tên Nhân-Viên:

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

Từ:

1

2

3

4

To:

Tới:

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-vụ Công-Việc : 1

2

3

4

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng : 1

2

3

4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thi : 1

2

3

4

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra-Đi : 1

2

3

4

7. Training for Job in Vietnam

Nghề-Nghiệp Huấn Luyen tại Việt-Nam:

Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse

Ban Hoac Vó/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ-Tên Người Tham-Gia :

NGUYỄN-THÀNH-TÂM

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

Từ :

1962

To

Tới:

30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng

Chief of Service / Planning Section

First Lieutenant / Specialist in Planning

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/só/Đơn-Vi/Binh-Chúng :

P.U.T.B : Centre Intelligence Organisation (C.I.O.)
/ Presidency - Planning Section

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ-Tên Người Giám-Thi/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

Phan-công-TÂM (Chief of Planning Section of C.I.O)

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

Resentment against the regime
Wish for a new life of Honor, Humanity
and Freedom

7. Names of American Advisor(s)

Họ-Tên Cố-Văn Mỹ :

- Mr. George
- Mr. Bern

8. U.S. Training Courses in Vietnam

Chương-Trình Huấn-luyện Hoa-Kỹ
Tại Việt-Nam :

5th Case officer Training Course

9. U.S. Awards or Certificates

Giấy Ban-Khen hoặc chứng-thư do Hoa-Kỹ Cấp:

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường : _____
3. Dates: From To
Ngày, Tháng, Năm Từ : _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-Tả-Ngành Học : _____
5. Who paid for training? :
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : NGUYỄN-THÀNH-TÂM
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 7 years months days
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 7 năm tháng 4 Ngày
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra-trai.)

I. Any Additional Remarks?

Quốc-Chủ Phụ Thuộc

- Serial Number: 56A/105.083

- Identification Card number: 05720182 - (Tân Bình
27-8-1970)

If my numerous family could be any difficulty for the settlement of your program, I beg you to try to do anything in order to aid only me first. For I wish eagerly to serve positively The Freedom World Cause as soon as possible. As for the remained people of my family, I'll take charge of them myself in the future.

Signature

Ký Tên: William F. Flau

Date

Ngày: 22-11-1987

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với số Câu Hỏi Này

- 1 Birth Certificate
- 1 Marriage Certificate
- 1 Identification card
- 1 Photo
- 1 Release Certificate
- 1 Mission Order from the CTC / Presidency

883-12.6.12

HỒ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chức vụ: Ủy viên Ban
hành pháp công an
2568 ngày 31 tháng 11
1972

Trại

Hệ T81

Số 134/12

000 276 159 0 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư 80-BCA/TT ngày 3-3-1981 của Bộ Công an

Thi hành án văn quyết định thả số 156 ngày 15 tháng 1 năm 1982

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Nguyễn Thành Tâm

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Trần Văn Út - 499

Sinh ngày tháng năm

1936

Nơi sinh

Khánh Hưng, Châu Thành, Sóc Trăng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

216 0 / 13 Đường Nguyễn Huệ, Quận Phú Nhuận, TP HCM

Can tội: Trung úy trưởng ban an ninh của bộ TB trước cấp bậc 15

Bị bắt ngày

16/6/1975

án phạt

TTQT

Theo quyết định, án văn số

55 ngày

tháng

năm 1976 của

Bộ nội vụ

Đã bị tước án

lần, công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

2160/19 Nguyễn Huệ, Quận Phú Nhuận, TP HCM

Nhận xét trình cải tạo

Tư tưởng: Biểu hiện yêu tâm cải tạo, tin tưởng vào chỗ đi
chính sách của Đảng và nhà nước. Lạc động hoàn thành công
việc được giao. Không dùng, xuất khẩu lực lượng cá nhân.

Học tập: Tham gia đầy đủ, tinh thần tích cực tiếp thu bài dạy,
chưa mạnh dạn thảo luận phê bình.

Nội quy: Thực hiện được chưa có sai phạm gì lớn. XLQT: TB

Lưu tay ngón trái phải

Của

Nguyễn Thành Tâm

Danh bản số

1397

Lớp tại

NV15

Họ, tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 14 tháng

6 năm 1982

Giấy

Tam

Minh

Nguyễn Thành Tâm

Trưởng tá: Nguyễn Văn M6

Tam

CHU HOI CHO NGUOI NOP DON

Date:
Ngày:

entification Data
căn-bản

NGUYỄN THÀNH-TÂM

Sex
Khác

Place of Birth
Sinh

05-07-1936 Saigon, South Vietnam

Address
Thường-trú

216^c/19^c Huỳnh-vân-Bạch, Phú Nhuận, Ho Chi Minh City

Address
Thờ-tử

216^c/19^c Huỳnh-vân-Bạch, Phú Nhuận, Ho Chi Minh City

Occupation
Việp

Tutor

Persons To Accompany Me
Sống Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc Độc-thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm-Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Giới	MS Tình Trạng Gia-Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. Nguyễn Thị Thúy Thanh	1935	Tây Ninh			Wife
2. Nguyễn Thị Hương	1962	Saigon		S	Daughter
3. Nguyễn Thị Xuân-Phước	1964	Saigon		S	Daughter
4. Nguyễn Thị Tú Lan	1966	Saigon		S	Daughter
5. Nguyễn Thị Thanh-Thủy	1969	Tây Ninh		S	Daughter
6. Nguyễn Thị Tuyết-Hồng	1972	Saigon		S	Daughter
7. Nguyễn Thị Phương-Trang	1974	Saigon		S	Daughter
8.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam

Họ, Tên Ở Ngoài Quốc

1. Closest Relative In the U.S.

Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình

CUỘC HỌI CHO NGƯỜI NỢ ĐƠN

Date:
Ngày:

A. Identification Data
B. Thông tin cá nhân

1. Name:
Họ, Tên: NGUYỄN THÀNH-TÂM
2. Other Names:
Họ, Tên Khác:
3. Date/Place of Birth:
Ngày/Nơi Sinh: 05-07-1936 Soc Trang, South Vietnam
4. Residence Address:
Địa-chỉ Thường-trú: 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh City
5. Mailing Address:
Địa-chỉ Thư-từ: 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh City
6. Current Occupation:
Nghề-Nghiệp: Tutor

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cùng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia-Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. Nguyễn Thị Thủy Thanh	1939	Tây Ninh			Wife
2. Nguyễn Thị Kiều Hương	1963	Saigon		S	Daughter
3. Nguyễn Thị Xuân Phương	1964	Saigon		S	Daughter
4. Nguyễn Thị Tú Lan	1966	Saigon		S	Daughter
5. Nguyễn Thị Thanh Thủy	1965	Tây Ninh		S	Daughter
6. Nguyễn Thị Tuyết Hằng	1972	Saigon		S	Daughter
7. Nguyễn Thị Phương Trang	1974	Saigon		S	Daughter

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-thú của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Bà Con Ở Ngoài Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên:
Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình:

Closest relative in other foreign countries/
Bà Con Thân-Thuộc Nhất ở Các Nước Khác

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-Hệ Gia-Đình

c. Address
Địa-Chỉ

1. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

	Name Họ, Tên	Address Địa-Chỉ
1. Father Cha	Nguyễn Thành Bết	Killed by Việt Cộng in 1961-1962 when he was Deputy Chief of Phước-Thạnh Province
2. Mother Mẹ	Trần Thị Định (L)	95 Huỳnh Khương Ninh, HCM City
3. Spouse Vợ/Chồng:	Nguyễn Thị Hằng (L)	216/19 Huỳnh Văn Bảnh, Phú Nhuận, HCM City
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng Trước (nếu có):		
5. Children Con Cái:	(1) Nguyễn Thị Hồng (married) 75 Huỳnh Khương Ninh, HCM City (L)	
	(2) Nguyễn Thị Hương (L)	216/19 Huỳnh Văn Bảnh, Phú Nhuận, HCM City (L)
	(3) Nguyễn Thị Xuân Phường (L)	id
	(4) Nguyễn Thị Tú Lan (L)	id
	(5) Nguyễn Thị Thanh Thủy (L)	id
	(6) Nguyễn Thị Tuyết Hằng (L)	id
	(7) Nguyễn Thị Phương Trâm (L)	id
	(8)	
	(9)	
	(10)	
6. Siblings Anh, Chị Em:	(1) Nguyễn Thị Bình Anh 73/36 Huỳnh Văn Bảnh, Phú Nhuận, HCM City (L)	
	(2)	
	(3) Nguyễn Thành Trí (L)	Reeducation Camp Xích Lô, Đồng Nai
	(4) Nguyễn Thành Hoàng (L)	75 Huỳnh Khương Ninh, HCM City
	(5) Nguyễn Thành Tuấn (L)	Bệnh viện Trung Ương, Cầu Thơ
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
	(10)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:
Họ Tên Nhân-Viên:

2. Dates:
Ngày, Tháng, Năm

From:

To:

Tới:

1

2

3

4

3. Title of (Last) Positions Held
Chức-vụ Công-Việc :

1
2
3
4

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

1
2
3
4

5. Name of (Last) Supervisor

Họ Tên Người Giám-Thị :

1
2
3
4

6. Reason for Leaving

Lý-Do-Ra-Đi :

1
2
3
4

7. Training for Job in Vietnam

Nghề-Nghiệp Huấn Luyện tại Việt-Nam:

Service with GVN or RVNAP By You Or Your Spouse

Ban-Hoặc-Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ-Tên Người-Tham-Gia :

NGUYỄN-THÀNH-TÂM

2. Dates:

Ngày-Tháng-Năm

From:

Từ : 1962

To:

Tới: 30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng

Chief of Service / planning Section

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đơn-Vị/Binh-Chúng

First Lieutenant / Specialist in planning
P.H.T.B. : Centre Intelligence Organisation (C.I.O.)
/ Presidency - Planning Section

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

Phan-công-TÂM (Chief of Planning Section of C.I.O.)

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

no reason
Resentment against the regime
Wish for a new life of Honor, Humanity and Freedom

7. Names of American Advisor(s)

Họ Tên Cố-Vấn Mỹ

- Mr. George.
- Mr. Bern

8. U.S. Training Courses in Vietnam

Chương-Trình Huấn-luyện Hoa-Kỳ

Tại Việt-Nam

5th Case officer Training Course

9. U.S. Awards or Certificates

Giấy Ban-Khen hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp:

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ-Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, Tháng, Năm Từ _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-Tả Ngành Học : _____
5. Who paid for training? :
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : NGUYỄN-THÀNH-TÂM
2. Total time in Reeducation: _____ years _____ months _____ days
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 7 năm 1 tháng 1 Ngày
3. Still in Reeducation? * Yes _____ No _____
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có _____ Không _____

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra-trai.)

I. Any Additional Remarks?

Đặc-Chú Phụ Thuộc

-Serial Number: 56A/105.083

-Identification card number: 05720182- (Tân Bình 27-8-1970)

If my numerous family could be any difficulty for the settlement of your program, I beg you to try to do any thing in order to aid only me first. For I wish eagerly to serve positively the Freedom World Cause as soon as possible. As for the remained people of my family, I'll take charge of them myself in the future.

Signature

Ký Tên

William

Date

Ngày

22-11-1987

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất-Cả Giấy-tờ Kèm Theo với số Câu Hỏi Này

- 1 Birth Certificate
- 1 Marriage certificate
- 1 Identification card
- 1 Photo
- 1 Release Certificate
- 1 Mission Order from the CTC / Presidency

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

PHỦ TÔNG-THƯỞNG

NHA HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIÊN
Hộp thư 904 - Saigon

PHỤ-THIỆM - VỤ - LÍNH

THAM-CHẾU : Thông-cáo ngày 10-2-68 của

Số : 939 -HCNV/T/NVL

Hộ Quốc-Phòng.

1/07 ay cũ
Ngạch trật

: **Đ. NGUYỄN THÀNH TÂM**
: Phụ-Tá chuyên-viên địa-lý
hạng B (csl 350)

Cấp bậc trong quân đội
Số quân

: Cựu Thiếu-Ủy
: 105.083

Ngày và nơi sinh

: 5-7-1936 Sóc-Trăng

Chức-vụ

: Nhân-viên

Mi từ

: Saigon

Đơn

: Bộ Quốc Gia Giáo Dục

Lý-do

: Trình-diện tái ngũ

Phong-tiền chuyên-chợ

: Tự-túc

Thời-gian công-tác

: Không

Ngày khởi-hành

: 12-3-68

Xen-cầu cơ-quan chánh trên giúp đỡ và dành
cho trong-sự mọi sự dễ-dàng.

Trong trường-hợp bất thường xin liên-lạc
thẳng với Phủ tôi.

Saigon, ngày 28 tháng 2 năm 1968

Nơi nhận :

BIÊN-BOC NHA HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIÊN

• Nha Động-Viên HSC. 3567

• Bộ Quốc Gia Giáo Dục

• Trong-sự

• H. 90 • Lưu

Cher

THANG GIAO-THIỆP

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ KHAI-SINH *lòng Khẩu-ông*

tỉnh *Bam-yên*

NĂM *1936*

SỐ HIỆU

243

(Acte No)

(Acte No)

Tên họ cha	<i>Nguyễn thành Tâm</i>
Tên họ mẹ	<i>Masoul in</i>
Sinh ngày	<i>10 5 Juillet 1936</i>
Sinh tại	<i>Khánh-hùng Hôpital</i>
Tên họ cha	<i>Nguyễn thành Tắt</i>
Cán làm nghề gì	<i>Sécretaire</i>
Nhà cửa ở đâu	<i>Khánh-hùng</i>
Tên họ mẹ	<i>Trần thị Đình</i>
Cán làm nghề gì	<i>Institutrice</i>
Nhà cửa ở đâu	<i>Khánh-hùng (Soctrang)</i>
Vợ chồng hay thì	<i>Femme de loi rung</i>

Chữ gởi

Trực y bản chánh

Chánh-án Toà

Khánh-hùng

Chánh-ánh chấp-pháp chữ ký

CHÍNH LỤC-SỰ

Chánh-ánh



Chánh-ánh chấp-pháp chữ ký

Nguyễn văn Hào

Chánh-ánh chấp-pháp chữ ký

126

Gửi theo

(Acte)

Điện-lai số

(Quittance No)

CHÍNH THẬT

Trương văn Chín

Trần văn B.

183-17.6.12

HỒ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đã in 16 đơn - 01/11/82
Hành lang công văn số
1868 ngày 11 tháng 11
1972

Trời

Hệ Tax

Số 134/12

00027615002

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 868-BCA/TT ngày 05-3-1981 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định thụ số 156 ngày 15 tháng 1 năm 1982

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Thành Tâm

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh Trần Văn Út - 499

Sinh ngày tháng năm 1936

Nơi sinh Khánh Hưng, Châu Thành, Sóc Trăng 8803

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

216 0 / 13 đường Nguyễn Huệ, Quận Phú Nhuận, TP HCM

Cán tại Trung úy trưởng ban an ninh 499 của bộ TB trung cấp bậc 15

lệ bắt ngày 16/6/1975 in phát TTCT

Theo quyết định, án văn số 55 ngày tháng năm 1976 của Bộ nội vụ.

Đã bị từng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 2160/19 Nguyễn Huệ, Quận Phú Nhuận, TP HCM.

Nhận xét trình cải tạo

Tư tưởng: Biểu hiện yên tâm cải tạo, tin tưởng vào chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước. Lạc động hoàn thành công việc được giao. Không dùng quyền lực của gia đình.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

Đặc biệt: Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tiếp thu bài học, chưa mắc lỗi lầm.

CAU HOI CHO NGUOI NOP DON

Date: _____
Ngày: _____

A. Identification Data
Dữ liệu căn bản

1. Name: NGUYỄN THÀNH-TÂM
Họ, Tên
2. Other Names: _____
Họ, Tên Khác
3. Date/Place of Birth: 05-07-1936 Sóc Trăng, South Vietnam
Ngày/Nơi Sinh
4. Residence Address: 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh City
Địa-chỉ Thường-trú
5. Mailing Address: 216/19 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh City
Địa-chỉ Tho-từ
6. Current Occupation: Tutor
Nghề-Nghiep

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cũng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc Độc-thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia-Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-Đình
1. Nguyễn Thị Thủy Thanh	1934	Tây Ninh			Wife
2. Nguyễn Thị Hương	1963	Saigon		S	Daughter
3. Nguyễn Thị Xuân-Phước	1964	Saigon		S	Daughter
4. Nguyễn Thị Tú Lan	1966	Saigon		S	Daughter
5. Nguyễn Thị Thanh-Thủy	1969	Tây Ninh		S	Daughter
6. Nguyễn Thị Tuyết-Hằng	1972	Saigon		S	Daughter
7. Nguyễn Thị Phương-Trang	1974	Saigon		S	Daughter

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Bà Con Ở Ngoài Quốc

1. Closest Relative in the U.S.
Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ Gia-Đình

3. Title of (Last) Positions Held
Chức-vụ Công-Việc :

1

2

3

4

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng : 1

2

3

4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thị

1

2

3

4

6. Reason for Leaving

Lý-Do-Ra-Đi : 1

2

3

4

7. Training for Job in Vietnam

Nghiệp-Nghệp Huấn Luyện tại Việt-Nam:

Service with GVN or RVNAP By You Or Your Spouse

Đàn-Hoặc-Vợ/Chồng, Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ-Tên Người-Tham-Gia :

NGUYỄN-THÀNH-TÂM

2. Dates:

Ngày-Tháng-Năm

From:

Từ

1962

To

Tới

30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng

Chief of Service, Planning Section

First Lieutenant / Specialist in Planning

P.T.B. : Centre Intelligence Organisation (C.I.O.)

/ Presidency - Planning Section

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đơn-Vị/Binh-Chúng

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ-Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan

Chỉ-Huy

Phan-công-TÂM (Chief of Planning Section of C.I.O.)

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi

no longer Resentment against the regime

Wish for a new life of Honor, Humanity and Freedom

7. Names of American Advisor(s):

Họ-Tên Cố-Vấn Mỹ

- Mr. George

- Mr. Bern

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-luyện Hoa-Kỳ

Tại Việt-Nam

5th Case officer Training Course

9. U.S. Awards or Certificates:

Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp:

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vó/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ-Tên-Sinh-Viên/Người Đuợc Huấn-Luyện:
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường :
3. Dates: From To
Ngày, Tháng, Năm Từ : Đến:
4. Description of Courses :
Mô-Tả-Ngành Học :
5. Who paid for training? :
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoac Vó/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : NGUYỄN-THÀNH-TÂM
2. Total time in Reeducation:
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: 7 years months days
Thang 7 tháng 1 Ngày
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

- I. Any Additional Remarks? - Serial Number: 56A/105.083
Cúcc-Chú Phụ Thuộc - Identification card number: 05720182 - (Tân Bình 27-8-1970)

If my numerous family could be any difficulty for the settlement of your program, I beg you to try to do any thing in order to aid only me first. For I wish eagerly to serve positively the Freedom World Cause as soon as possible. As for the remained people of my family, I'll take charge of them myself in the future.

Signature: [Signature] Date: 22-11-1987
Ký-Tên: [Signature] Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất-Cả Giấy-tờ Kèm Theo với số Câu Hỏi Này

- 1 Birth Certificate
- 1 Marriage Certificate
- 1 Identification card
- 1 Photo
- 1 Release Certificate
- 1 Mission Order from the CTC/Presidency

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

PHỦ TỔNG-THƯỜNG

NHA HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIỆN
Hộp thư 904 - Saigon

THIỆM - VỤ - LÍNH

THAM-CHỨT : Thông-cáo ngày 10-2-68 của

Số : 939 -HCNV/H/NVL

Hộ Quốc-Phòng.

2

1/7 ay cũ
Ngạch trật

: Ô. NGUYỄN THÀNH TÂM
: Phụ-tá chuyên-viên địa-lý
hạng B (csl 350)

Cấp bậc trong quân đội
Số quân

: Cựu Thiếu-Ủy
: 105.083

Ngày và nơi sanh

: 5-7-1936 Sóc-Trăng

Chức-vụ

: Nhân-viên

Mi từ

: Saigon

Đến

: Bộ Quốc Gia Giáo Dục

Lý-do

: Trình-diện tái ngũ

Phương-tiện chuyên-chở

: Tự-túc

Thời-gian công-tác

: Không

Ngày khởi-hành

: 12-3-68

Yêu-cầu cơ-quan chánh quyền giúp đỡ và dành
cho trong-sự mọi sự dễ-dàng.

Trong trường-hợp bất thường xin liên-lạc
thẳng với Phủ tôi.

Nơi nhận:

Saigon, ngày 28 tháng 2 năm 1968

BIÊN-ĐÓNG NHA HÀNH-CHÁNH VÀ NHÂN-VIỆN

- Nha Động-Viên ĐOC. 3562

- Bộ Quốc Gia Giáo Dục

- Trong-sự

- Hộ-sơ • Lưu

Cher

HÀNG QUÂN

BỘ-TƯ-LẬP

THÔNG-LỤC-SỰ-TOÀN

ở-hà-cam-pu-chia

ĐỘNG-NHÂN-CỘNG-HOÀ

(GRIFFES DU TRIBUNAL DE)

ĐỘNG-NHÂN-CỘNG-HOÀ

ĐỘNG-NHÂN-CỘNG-HOÀ ĐÔNG-ĐÔNG-ĐÔNG *làng An-hà - àng*

tỉnh Barmyên

NĂM *1936*
(An 1936)

SỐ HIỆU *43*
(Acte No)

Tên họ của người bị bắt	<i>Nguyễn thành Tân</i>
Nơi sinh	<i>Hà-soulin</i>
Sinh ngày	<i>le 5 Juillet 1936</i>
Nơi sinh ở	<i>Khánh-hùng Hôpital</i>
Tên họ cha	<i>Nguyễn thành Tắt</i>
Chức làm nghề gì	<i>Secrétaire</i>
Nơi ở	<i>Anh-hàng</i>
Tên họ mẹ	<i>Trần thị Định</i>
Nơi ở	<i>Instituteur</i>
Nơi ở	<i>Khánh-hàng (Sootrang)</i>
Nơi ở	<i>Femme de l'ay ruc</i>

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Chức vụ

Trực-trình *Chức*

Khánh-hàng

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

TỈNH GIADINH

QUẬN: Tân Bình

XÃ: Phú Nhuận

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

LTB

Số hiệu: 303

Tên, họ người chồng: Nguyễn thanh Tâm

nghề - nghiệp: Sinh viên sĩ Quan

sinh ngày 5 tháng 7 năm 1936

tại: Thạnh Hưng, Đa Xuyên

cư - sở tại: Phú Nhuận, 305E/I Ấp Tây Nhì

tạm-trú tại: =====

Tên, họ cha chồng: Nguyễn thanh Tiet(chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Trần thị Đình(sống)

Tên, họ mẹ chồng

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ: NGUYỄN THỊ THUY THANH

nghề - nghiệp: Sinh viên

sinh ngày 13 tháng 10 năm 1939

tại: Hối Thuận, Tây Ninh

cư - sở tại: Phú Nhuận, 305E/I Ấp Tây Nhì

tạm-trú tại: =====

Tên, họ cha vợ: Nguyễn van Ngươn(sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ: Tô danh

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới: ngày hai mươi bốn tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba, hai II giờ (24-8-1963)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế: ===

ngày: === tháng: === năm: ===

Chứng thực chủ ký ngang

dãy của Viên Chức Hộ tịch

Phú Nhuận, ngày 28-8-63

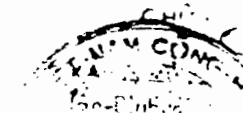
Bãi-Dien-Xã,

Trích y bản chính

Phú Nhuận, ngày 28 tháng 8 năm 1963

Viên chức Hộ tịch.

CHỨNG THỰC



Trần văn Chín

Trần văn Chín